

Bản án số: 872/2017/DS-ST

Ngày: 14/8/2017

V/v “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 3 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Ánh Phượng

Các Hội thẩm nhân dân: 1/- Ông Bùi Nam Từ

2/- Bà Lê Thị Xuân Mai

Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Hoa – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 3,
Thành phố Hồ Chí Minh.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh tham
gia phiên tòa:* Bà Lê Mộng Điệp - Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 8 năm 2017, tại phòng xử án Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 991/TLST-DS ngày 03 tháng 10 năm 2016 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 112/2017/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 6 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 160/2017/QĐST-DS ngày 20 tháng 7 năm 2017, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Đỗ Thị T – Sinh năm 1964 (Có mặt)

Cư trú tại: Số 57/55/28M, đường Điện Biên, Phường 15, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Bà Trần Thị Ngọc H, sinh năm: 1982 (Vắng mặt)

Cư trú tại: Số 157/9, đường Trần Văn, Phường 11, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Công ty TNHH MTV A

Trụ sở: Số 48, đường Đồng, phường Thuận Phước, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện hợp pháp của Công ty TNHH MTV A là: Bà Trần Thị Ngọc H, sinh năm 1982, là Người đại diện theo pháp luật.

Cư trú tại: Số 157/9, đường Trần Văn, Phường 11, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện đề ngày 17/8/2016, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Đỗ Thị T trình bày:

Vào ngày 18/6/2014, bà và bà Trần Thị Ngọc H có ký kết Hợp đồng vay tài sản tại Phòng công chứng số 6, Thành phố Hồ Chí Minh có trụ sở tại số 47A, đường Nguyễn Văn Đậu, Phường 6, quận Bình Thạnh, số công chứng 17522, quyền số 06, để cho bà H mượn số tiền là 200.000.000 (Hai trăm triệu) đồng. Khoảng thời gian trước đó, bà H có làm giấy tay cho bà, nhưng sau nhiều lần không thực hiện trả nợ đúng như đã cam kết nên bà có yêu cầu bà H ra công chứng để làm hợp đồng vay mượn với mức lãi suất: 01%/tháng. Đồng thời bà H có giao cho bà một số thứ có liên quan đến Công ty TNHH MTV A (do bà H đứng tên làm chủ) để làm tin, bao gồm:

- 01 con dấu vuông
- 01 con dấu tròn
- 01 bản chính Giấy chứng nhận đã đăng ký mẫu dấu số 1404/LT/ĐKMD do Công an thành phố Đà Nẵng cấp cho Công ty TNHH MTV A.
- 01 bản chính Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên (Mã số doanh nghiệp: 0401371114, đăng ký thay đổi lần thứ hai ngày 18/3/2013).

Bà H hứa sau 01 tháng sẽ hoàn trả lại số tiền trên cho bà. Thế nhưng cho đến nay bà H vẫn chưa chịu trả lại số tiền trên. Bà đã nhiều lần điện thoại đề nghị gặp mặt để giải quyết, nhưng bà H vẫn lẩn tránh. Bà có đến nhà của bà H để gặp trực tiếp, nhưng gia đình bà H có thái độ bao che và thông báo là bà H đã bỏ nhà đi. Sau đó, bà đã gửi đơn đến Ủy ban nhân dân Phường 11 Quận 3 để thưa bà H về việc thiếu nợ tiền của bà. Vào ngày 08/01/2015, Ủy ban nhân dân Phường 11 Quận 3 có tiến hành hòa giải giữa bà và bà H (do ông Thiện là ba bà H đại diện). Kể từ sau ngày hòa giải ở phường thì phía gia đình của bà H có trả tiền cho bà và bà đã nhận được tổng số tiền là 30.000.000 đồng (thông qua Ủy ban nhân dân Phường 11 Quận 3, do phía gia đình bà H nộp tiền tại Ủy ban phường rồi Ủy ban phường đưa lại cho bà). Bà nhận được tất cả là 6 lần tiền, cụ thể:

- Lần 1, ngày 09/02/2015: 8.000.000 đồng
- Lần 2, ngày 30/3/2015: 7.000.000 đồng
- Lần 3, ngày 18/5/2015: 4.000.000 đồng
- Lần 4, ngày 22/6/2015: 4.000.000 đồng
- Lần 5, ngày 03/8/2015: 4.000.000 đồng
- Lần cuối, ngày 06/10/2015: 3.000.000 đồng. Kể từ sau thời điểm này thì gia đình bà H không đưa thêm khoản tiền nào nữa.

Theo hợp đồng vay đã được ký kết giữa bà và bà H thì số tiền lãi, tính đến thời điểm bà gửi đơn khởi kiện đến quý tòa là 48.000.000 (Bốn mươi tám

triệu đồng) tương ứng với thời gian 24 tháng kể từ ngày 18/6/2014. Nay bà xem số tiền 30.000.000 đồng mà gia đình bà H đã đưa là số tiền lãi chi trả cho bà suốt thời gian vay 24 tháng qua, và đồng thời số tiền lãi còn lại là 18.000.000 đồng bà không yêu cầu bà H chi trả thêm. Để bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của mình, nay bà chỉ yêu cầu Tòa buộc bà H phải trả lại cho bà số tiền gốc đã vay là 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng) làm một lần ngay sau khi bản án của Tòa có hiệu lực pháp luật và không yêu cầu bà H phải trả lãi. Đồng thời, bà cũng đồng ý trả lại cho bà H 01 con dấu vuông, 01 con dấu tròn, 01 Giấy chứng nhận đã đăng ký mẫu dấu số 1404/LT/ĐKMD do Công an thành phố Đà Nẵng cấp cho Công ty TNHH MTV A, 01 Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên (Mã số doanh nghiệp: 0401371114, đăng ký thay đổi lần thứ hai ngày 18/3/2013) của Công ty TNHH MTV A.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Nguyên đơn bà Đỗ Thị T trình bày: Do thời gian qua, bà biết được gia đình bà H đang gặp rất nhiều khó khăn nên nay bà tự nguyện chỉ yêu cầu Tòa buộc bà H phải trả lại cho bà số tiền gốc còn lại là 170.000.000 đồng làm một lần ngay sau khi bản án của Tòa có hiệu lực pháp luật, bà không yêu cầu gia đình bà H hay chồng bà H phải cùng liên đới trả nợ cho bà. Bà chấp nhận số tiền 30.000.000 đồng mà gia đình bà H đã trả cho bà làm 6 lần tiền trước đó là số tiền gốc trong số tiền mà bà H đã vay 200.000.000 đồng. Bà không yêu cầu bà H phải trả lãi theo Hợp đồng vay tiền đã ký kết ngày 18/6/2014. Sau khi ký kết hợp đồng vay tiền, bà H có thể chấp cho bà 01 con dấu vuông, 01 con dấu tròn, 01 Giấy chứng nhận đã đăng ký mẫu dấu số 1404/LT/ĐKMD do Công an thành phố Đà Nẵng cấp cho Công ty TNHH MTV A, 01 Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên (Mã số doanh nghiệp: 0401371114, đăng ký thay đổi lần thứ hai ngày 18/3/2013) của Công ty TNHH MTV A để làm tin. Nay, bà đồng ý trả lại cho bà H những vật thể chấp kể trên.

- Bị đơn bà Trần Thị Ngọc H vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH MTV A vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 3 phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết, thu thập chứng cứ và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền:

- Nguyên đơn bà Đỗ Thị T khởi kiện bị đơn bà Trần Thị Ngọc H phải có trách nhiệm thanh toán số nợ gốc 170.000.000 đồng căn cứ theo Hợp đồng vay

tiền ngày 18/6/2014, nên đây là vụ án “Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản” được quy định tại Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2005.

Theo kết quả xác minh của Công an Phường 11, Quận 3 trả lời Phiếu yêu cầu xác minh ngày 24/10/2016 thể hiện: “Bà Trần Thị Ngọc H, sinh năm 1982, có hộ khẩu thường trú tại số 157/9 đường Trần Văn, Phường 11, Quận 3 nhưng hiện đang vắng mặt tại địa phương, ở đâu không rõ từ năm 2014 đến nay. Bà Trần Thị Ngọc H là con ruột của chủ nhà số 157/9 đường Trần Văn, Phường 11, Quận 3”.

Do bị đơn có nơi cư trú tại Quận 3 nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 3, căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Bị đơn bà Trần Thị Ngọc H và Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH MTV A đã được tổng đạt, niêm yết hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Giấy triệu tập để trình bày ý kiến, các Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, các Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và Giấy triệu tập để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân Quận 3 tiến hành xét xử vắng mặt bà Trần Thị Ngọc H và Công ty TNHH MTV A.

[3] Về yêu cầu của Nguyên đơn bà Đỗ Thị T:

Tại Hợp đồng vay tiền ngày 18/6/2014 được lập tại Phòng công chứng số 6, có số công chứng 17522, quyển số 06 thể hiện giữa bà Đỗ Thị T và bà Trần Thị Ngọc H có ký kết hợp đồng vay tiền, trong đó bà H mượn bà Tám với số tiền là 200.000.000 (Hai trăm triệu) đồng, lãi suất 01%/tháng. Kỳ hạn vay là 01 tháng, kể từ ngày 18/6/2014.

Tại Biên bản hòa giải ngày 08/01/2015 của Ủy ban nhân dân Phường 11 Quận 3 thể hiện việc hòa giải thành công, qua đó đại diện cho bà Trần Thị Ngọc H có ông Trần Ngọc Thiện, sinh năm 1948 là bố của bà H thỏa thuận cùng với bà Tám sẽ trả số nợ 200.000.000 đồng cho bà Tám trong vòng 6 tháng và thực hiện thông qua Ủy ban nhân dân Phường 11 Quận 3.

Căn cứ lời trình bày, các tài liệu chứng cứ do bà Tám cung cấp cũng như các tài liệu chứng cứ do Tòa án thu thập được thể hiện bà Tám có nhận tất cả là 6 lần tiền với tổng số tiền là 30.000.000 đồng. Cụ thể:

- Lần 1, ngày 09/02/2015: 8.000.000 đồng
- Lần 2, ngày 30/3/2015: 7.000.000 đồng
- Lần 3, ngày 18/5/2015: 4.000.000 đồng
- Lần 4, ngày 22/6/2015: 4.000.000 đồng
- Lần 5, ngày 03/8/2015: 4.000.000 đồng
- Lần cuối, ngày 06/10/2015: 3.000.000 đồng. Kể từ sau thời điểm này thì gia đình bà H không đưa thêm khoản tiền nào nữa.

Nay, bà chỉ yêu cầu Tòa buộc bà H phải thanh toán cho bà số tiền gốc còn lại là 170.000.000 đồng làm một lần ngay sau khi bản án của Tòa có hiệu lực pháp luật. Bà không yêu cầu bà H phải trả lãi theo Hợp đồng vay tiền đã ký kết ngày 18/6/2014.

Căn cứ Nghị định số 99/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ về quản lý và sử dụng con dấu thì theo lời trình bày của bà Tám việc bà H đưa các con dấu của Công ty TNHH MTV A cho bà Tám để thế chấp cho khoản vay của mình, là không đúng quy định.

Do đó, việc bà Tám trả lại 01 con dấu vuông, 01 con dấu tròn, 01 Giấy chứng nhận đã đăng ký mẫu dấu số 1404/LT/ĐKMD do Công an thành phố Đà Nẵng cấp cho Công ty TNHH MTV A, 01 Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên (Mã số doanh nghiệp: 0401371114, đăng ký thay đổi lần thứ hai ngày 18/3/2013) của Công ty TNHH MTV A, nghĩ nên ghi nhận.

Căn cứ khoản 1 Điều 474 Bộ luật Dân sự năm 2005 quy định: “Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn...”

Xét, việc bà Tám chỉ yêu cầu Tòa buộc bà H phải trả số tiền gốc còn lại là 170.000.000 đồng ngay sau khi bản án của Tòa có hiệu lực pháp luật, không yêu cầu bà H phải trả lãi theo Hợp đồng vay tiền đã ký kết ngày 18/6/2014 và tự nguyện trả lại cho bà H 01 con dấu vuông, 01 con dấu tròn, 01 Giấy chứng nhận đã đăng ký mẫu dấu số 1404/LT/ĐKMD do Công an thành phố Đà Nẵng cấp cho Công ty TNHH MTV A, 01 Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên (Mã số doanh nghiệp: 0401371114, đăng ký thay đổi lần thứ hai ngày 18/3/2013) của Công ty TNHH MTV A, là theo hướng có lợi cho bà H, nghĩ nên chấp nhận.

Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Nguyên đơn bà Đỗ Thị T.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do toàn bộ yêu cầu của Nguyên đơn được chấp nhận nên Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Ý kiến phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 3: Qua nghiên cứu hồ sơ vụ án và kiểm sát việc tuân theo pháp luật của Tòa án nhân dân Quận 3 trong quá trình giải quyết vụ án và tham gia phiên tòa sơ thẩm hôm nay, nhận thấy: Căn cứ vào Hợp đồng vay tiền ngày 18/6/2014 xác định: Bên cho vay bà Đỗ Thị T có cho bà Trần Thị Ngọc H vay số tiền là 200.000.000 đồng. Thời hạn vay là 01 tháng kể từ ngày 18/6/2014, lãi suất vay là 1%/tháng. Hợp đồng vay dựa trên sự thỏa thuận của các bên và được Phòng Công chứng số 6 xác nhận nên phù hợp với quy định của pháp luật. Căn cứ và lời xác nhận của nguyên đơn và các Phiếu thu của Ủy ban nhân dân Phường 11 Quận 3 thể hiện bên bà H đã trả được 30.000.000 đồng. Số tiền này tại phiên tòa hôm nay bà Tám tự nguyện trừ vào tiền gốc 200.000.000 đồng, chỉ yêu cầu bà H trả lại số tiền 170.000.000 đồng tiền gốc. Điều này phù hợp và có lợi cho bị đơn. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Nguyên đơn.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 266, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng khoản 2 Điều 305, Điều 471, khoản 1 Điều 474 Bộ luật Dân sự năm 2005;

- Áp dụng Nghị định số 99/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ về quản lý và sử dụng con dấu;

- Áp dụng Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội qui định về án phí, lệ phí Tòa án;

- Áp dụng Luật Thi hành án dân sự năm 2008.

Tuyên xử:

1/. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn bà Đỗ Thị T:

- Buộc bà Trần Thị Ngọc H phải có nghĩa vụ trả lại cho bà Đỗ Thị T một lần số tiền là 170.000.000 (Một trăm bảy mươi triệu) đồng.

- Bà Đỗ Thị T có nghĩa vụ trả lại cho bà Trần Thị Ngọc H 01 con dấu vuông, 01 con dấu tròn, 01 Giấy chứng nhận đã đăng ký mẫu dấu số 1404/LT/ĐKMD do Công an thành phố Đà Nẵng cấp cho Công ty TNHH MTV A, 01 Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên (Mã số doanh nghiệp: 0401371114, đăng ký thay đổi lần thứ hai ngày 18/3/2013) của Công ty TNHH MTV A.

Việc thực hiện tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền ngay sau khi bản án của Tòa có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bà Tám có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà H không thực hiện nghĩa vụ trả số tiền trên thì hàng tháng bà H còn phải chịu thêm khoản tiền lãi bằng mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời gian chậm thi hành.

2/. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà H phải chịu 8.500.000 (Tám triệu năm trăm ngàn) đồng.

Trả lại cho bà Đỗ Thị T số tiền 6.300.000 (Sáu triệu ba trăm ngàn) đồng là tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0002741 ngày 03/10/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

3/. Về quyền kháng cáo: Bà Tám được quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bà H, Công ty TNHH MTV A được quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND TP. HCM;
- VKSND Quận 3;
- Chi cục THADS Quận 3;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Ánh Phượng